

Số: /TTr-LĐTĐTB&XH

Yên Thế, ngày tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo
từ tháng 01 đến hết tháng 6 (quý 1+quý 2) năm 2024**

Kính gửi: Chủ tịch UBND huyện Yên Thế.

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội; Nghị định số 44/2023/QĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH ngày 24/6/2023 của Quốc Hội; Quyết định số 1941/QĐ-BCT ngày 08/11/2023 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện.

Để đảm bảo chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo quý I, quý II năm 2024, Phòng Lao động - TB&XH huyện đề nghị Chủ tịch UBND huyện cấp 311.364.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) để UBND các xã, thị trấn chi trả kịp thời cho các đối tượng. Trong đó:

- Hộ nghèo (quý I): 155.831.000 đồng.
- Hộ nghèo (Quý II): 155.533.000 đồng.

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

Phòng Lao động - TB&XH kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Thân Minh Sâm -
PCT UBND huyện (b/c);
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Dương Ngọc Minh

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 3 (QUÝ I) NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-LĐ-TBXH ngày /4/2024 của Phòng Lao động -
TB&XH huyện

STT	Các xã, thị trấn	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kwh)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Ghi chú
1	Đồng Tiến	48	48	0		8.568	
2	Đồng Vương	77	77	0		13.745	
3	Canh Nậu	53	53	0		9.461	
4	Xuân Lương	37	37	0		6.605	
5	Tam Tiến	64	64	0		11.424	
6	Tam Hiệp	43	43	0		7.676	
7	Tiến Thắng	69	69	0		12.317	
8	An Thượng	20	20	0		3.570	
9	Tân Hiệp	56	56	0		9.996	
10	TT. Phần Xương	25	25	0		4.463	
11	Đồng Tâm	5	5	0		893	
12	Hồng Kỳ	30	30	0		5.355	
13	Đồng Kỳ	33	33	0		5.891	

14	Đồng Hưu	65	65	0		11.603	
15	Hương Vĩ	55	55	0		9.818	
16	Đông Sơn	68	68	0		12.138	
17	TT. Bồ Hạ	52	52	0		9.282	
18	Tân Sơn	42	42	0		7.497	
19	Đông Lạc	31	31	0		5.534	
Tổng số		873	873			155.831	-

(Bảng chữ: Một trăm năm mươi năm triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng)

**KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO
TỪ THÁNG 04 ĐẾN THÁNG 6 (QUÝ II) NĂM 2024**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-LĐ-TBXH ngày /4/2024 của Phòng Lao
động - TB&XH huyện

STT	Các xã, thị trấn	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 kwh)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Ghi chú
1	Đồng Tiến	48	48	0		8.568	
2	Đồng Vương	77	77	0		13.745	
3	Canh Nậu	53	53	0		9.461	
4	Xuân Lương	37	37	0		6.605	
5	Tam Tiến	63	63	0		11.246	
6	Tam Hiệp	43	43	0		7.557	01 hộ chết tháng 4
7	Tiến Thắng	69	69	0		12.317	
8	An Thượng	20	20	0		3.570	
9	Tân Hiệp	56	56	0		9.996	
10	TT. Phồn Xương	25	25	0		4.463	
11	Đồng Tâm	5	5	0		893	
12	Hồng Kỳ	30	30	0		5.355	
13	Đồng Kỳ	33	33	0		5.891	
14	Đồng Hưu	65	65	0		11.603	
15	Hương Vĩ	55	55	0		9.818	
16	Đồng Sơn	68	68	0		12.138	

17	TT. Bồ Hạ	52	52	0		9.282	
18	Tân Sỏi	42	42	0		7.497	
19	Đồng Lạc	31	31	0		5.534	
Tổng số		872	872			155.533	-

(Bảng chữ: Một trăm năm mươi năm triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng)